

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày 19-6-2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán điện”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy

Bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-KDTM ngày 16-12-2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán điện”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-KDTM ngày 28-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A

Người đại diện theo pháp luật: C – Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số A, phường Đ, quận C, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C (theo văn bản ủy quyền số 3131/UQ-EVNCPC, ngày 16/4/2019): Ông Á – Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Công ty N

Địa chỉ: Tổ B, đường D, phường T, thành phố N, tỉnh N

Người đại diện theo ủy quyền của ông Á (Theo văn bản ủy quyền số 2042/UQ-ĐNoPC, ngày 26-4-2019): Ông H – Chức vụ: Giám đốc R

Địa chỉ: Số 169, đường T, thị trấn Đ, huyện R, tỉnh N – có mặt.

Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: Thôn c, xã T, huyện R, tỉnh N

Người đại diện theo pháp luật: Bà LH – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn c, xã T, huyện R, tỉnh N - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 22-01-2016 Công ty A và Công ty B ký kết hợp đồng mua bán điện số 16/720778 (Trạm 320 kVA-22/0.4.kV, Khách hàng đầu tư) về việc cung cấp điện cho mục đích kinh doanh chợ T, sau khi ký hợp đồng Công ty A đã tiến hành bán điện cho Công ty B theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Công ty B đã sử dụng điện và thanh toán tiền điện đầy đủ cho B, tuy nhiên từ ngày 12-02-2018 đến ngày 25-5-2018 công ty B không thanh toán tiền điện cho Công ty A, mặc dù đã thông báo nhiều lần nhưng Công ty B không thực hiện đúng theo hợp đồng, nên công ty A đã ngừng cung cấp điện vào ngày 25-5-2018. Tổng số tiền Công ty B còn nợ tiền điện là 37.970.194đồng, tương ứng với thời gian sử dụng điện cụ thể tháng 3/2018 nợ số tiền điện là 5.472.180đồng, tháng 4/2018 nợ số tiền 11.497.808đồng, tháng 5/2018 nợ số tiền 21.000.206đồng.

Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp giải quyết buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền 37.970.194 đồng. Theo đơn khởi kiện Công ty A có yêu cầu Công ty B phải trả tiền lãi suất chậm thanh toán theo hợp đồng số 16/720778 ngày 22-01-2016 theo quy định của pháp luật, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Công ty A rút một phần yêu cầu về lãi suất và không yêu cầu giải quyết.

- Kết quả ủy thác thu thập chứng cứ đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Công ty B có ký hợp đồng mua bán điện với Công ty A vào năm 2016, theo hợp đồng số 16/720778. Hàng tháng Công ty B đã thanh toán đầy đủ tiền điện. Từ năm 2018 các tiểu thương trong chợ T đã đóng tiền điện cho Công ty A nên Công ty B không còn nợ tiền điện của Công ty A.

Nay Công ty A yêu cầu Công ty B phải trả số tiền điện còn thiếu là 37.970.000đồng và tiền lãi chậm trả, Công ty B không đồng ý.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên: Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều 48 và 51 của Bộ luật tố tụng dân sự; đã lập hồ sơ vụ án, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và tiến hành hòa giải đúng quy định tại các Điều 97, 98, 204, 208, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 170 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia phiên tòa đều chấp hành đúng theo quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu về nội dung vụ án: Ngày 22-01-2016 Công ty A đại diện và Công ty B ký kết hợp đồng mua bán điện số 16/720778 (Trạm 320 kVA-22/0.4.kV, Khách hàng đầu tư) về việc cung cấp điện cho mục đích kinh doanh chợ T, sau khi ký hợp đồng Công ty A đã tiến hành bán điện cho Công ty B theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Công ty B đã sử dụng điện và thanh toán tiền điện đầy đủ cho Công ty A, tuy nhiên từ ngày 12-02-2018 đến ngày 25-5-2018 công ty B không

thanh toán tiền điện cho Công ty A, mặc dù Công ty A đã thông báo nhiều lần nhưng Công ty B không thực hiện đúng theo hợp đồng, nên Công ty A đã ngừng cung cấp điện vào ngày 25-5-2018 đối với Công ty B. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp thể hiện Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng về thanh toán tiền điện, phía bị đơn cho rằng đã thanh toán hết số tiền điện cho Công ty A tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 22, Điều 23 của Luật điện lực, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 37.970.000 đồng, đối với tiền lãi suất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà LH là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty B vắng mặt xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền điện chưa thanh toán là 37.970.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện*” quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn là Công ty B có trụ sở và địa chỉ tại thôn c, xã T, huyện R, tỉnh N nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về nội dung vụ án*: Ngày 22-01-2016 Công ty A với Công ty B ký kết hợp đồng mua bán điện số 16/720778, sau khi ký hợp đồng, Công ty A đã tiến hành bán điện cho Công ty B. Công ty B đã sử dụng điện và thanh toán tiền điện đầy đủ cho Công ty A, tuy nhiên từ ngày 12-02-2018 đến ngày 25-5-2018 Công ty B không thanh toán tiền điện nên Công ty A đã ngừng cung cấp điện vào ngày 25-5-2018. Tổng số tiền Công ty B còn nợ tiền điện là 37.970.194đ, tương ứng với thời gian sử dụng điện cụ thể tháng 3/2018 nợ số tiền điện là 5.472.180 đồng, tháng 4/2018 nợ số tiền 11.497.808 đồng và tháng 5/2018 nợ số tiền 21.000.206 đồng.

[5]. Xét hợp đồng mua bán điện số 16/720778 ngày 22-01-2016 giữa Công ty A với Công ty B đã ký kết là hợp đồng có thời hạn, về hình thức, nội dung của hợp đồng đúng quy định tại Điều 22 của Luật điện lực, việc các bên ký kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực và các đương sự thừa nhận.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện Công ty A: Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp xác định Công ty B còn nợ tiền điện là 37.970.194đồng, tương ứng với thời gian sử dụng điện cụ thể tháng 3/2018 nợ số tiền điện là 5.472.180đồng, tháng 4/2018 nợ số tiền 11.497.808đồng và tháng 5/2018 nợ số tiền 21.000.206đồng. Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng, nên Công ty A đã thông báo cho Công ty B việc ngừng cấp điện theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 23 của Luật điện lực.

[7]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng đã trả toàn bộ tiền điện cho nguyên đơn nhưng không đưa ra được chứng cứ tài liệu nào chứng minh, tòa án đã tiến hành đối chất nhưng bị đơn vắng mặt. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận việc bị đơn đã trả hết tiền mua bán điện cho nguyên đơn.

[8]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc Công ty B (người đại diện theo pháp luật bà LH) phải trả cho Công ty A số tiền điện chưa thanh toán là 37.970.194đồng.

[9]. Về án phí: Công ty B phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Công ty A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 22, Điều 23 của Luật điện lực; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với bị đơn Công ty B.

Buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền 37.970.194 đồng .

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc Công ty B phải nộp 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty A số tiền 949.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003180 ngày 16-12-2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện R, tỉnh N.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Công Tài